

Bản án số: 41/2020/HSST

Ngày: 29-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Phi

Ông Trần Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2020/TLST-HS ngày 27/4/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Hồ Văn T; sinh năm 1983; nơi sinh: tỉnh B; nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn N, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Hồ Văn D; sinh năm: 1952; con bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1954; có vợ là Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1985; có 01 người con 12 tuổi; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2020 đến ngày 10/02/2020 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh B “Có mặt”.

Bị hại:

1. Ông Lê Chí H; sinh năm: 1984; trú: Tổ 8, thôn Quảng G, xã Xuân S, huyện C, tỉnh B “có đơn xin vắng mặt”.

2. Ông Nguyễn Hữu K; sinh năm: 1969; trú: ấp Tân T, xã Quảng T, huyện C, tỉnh B “có đơn xin vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1990; trú tại: Tổ 2, ấp Phú Q, xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh B “có đơn xin vắng mặt”.

2. Ông Nguyễn Xuân T; sinh năm: 1978; trú tại: Tổ 2, ấp Phú Q, xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh B “có đơn xin vắng mặt”.

3. Ông Nguyễn Văn C; sinh năm: 1982; trú tại: Tổ 6, ấp 1, xã Hòa B, huyện Xuyên M, tỉnh B “có mặt”.

4. Ông Hồ Văn D; sinh năm: 1952; trú tại: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn N, huyện C, tỉnh B “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 02/5/2019, Hồ Văn T đến nhà ông Lê Chí H; ở thôn Quảng G, xã Xuân S, huyện C, thỏa thuận hợp đồng thuê 02 chiếc xe ô tô tải biển số: 54T-7126 và 72C-034.90 để vận chuyển chuối với giá 7.500.000 đồng/xe/tháng. Ông H đồng ý và giao 02 chiếc xe trên cho T. Ngày 09/5/2019, do thiếu tiền tiêu xài nên T điều khiển chiếc xe ô tô biển số: 72C-034.90 đến nhà bà Nguyễn Thị T ở: Tổ 2, ấp Phú Q, xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh B cầm cố được số tiền 12.000.000 đồng. Khi cầm xe, T nói đây là xe của mình, còn giấy tờ để quên ở nhà và hứa sẽ chuộc xe vào ngày 10/5/2019, nên bà T đồng ý cầm chiếc xe này. Khoảng 20 giờ ngày 10/5/2019, T tiếp tục điều khiển xe ô tô biển số 54T-7126 đến gặp bà T thỏa thuận cầm cố chiếc xe này với số tiền 20.000.000 đồng. T cũng nói đây là xe của mình, còn giấy tờ để quên ở nhà. Do không am hiểu về xe, nên bà T nhờ ông Nguyễn Xuân T ở: Tổ 2, ấp Phú Quý, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên M, tỉnh B (là hàng xóm của bà T) đứng tên trên giấy cầm xe cho T. Sau khi cầm cố 02 chiếc xe ô tô nêu trên, ngày 28/5/2019, T nhắn tin cho ông Lê Chí H nói đã cầm xe của ông H được số tiền 32.000.000 đồng và nói ông H bỏ tiền để chuộc lại xe.

Ngày 23/5/2019, Hồ Văn T đến nhà ông Nguyễn Hữu K ở: ấp Tân T, xã Q, huyện C, tỉnh B thỏa thuận hợp đồng thuê 01 chiếc xe ô tô tải biển số: 72C-048.03 trong thời hạn 07 ngày với giá tiền thuê là 600.000 đồng/ngày. Ông K đồng ý giao xe và toàn bộ giấy tờ xe cho T. Đến ngày 26/5/2019, T điều khiển chiếc xe này đến tiệm cầm đồ “C T” cầm cố cho ông Nguyễn Văn C ở: ấp 1, xã Hòa B, huyện Xuyên M, tỉnh B (là chủ tiệm cầm đồ) với giá 65.000.000 đồng. T nói với ông C đây là xe của T có đủ giấy tờ hợp pháp nên ông C đã đồng ý cầm cố chiếc xe này. Ngày 01/6/2019, T nhắn tin cho ông K nói đã cầm chiếc xe của ông ở tiệm cầm đồ và đang kiểm tiền chuộc lại xe cho ông K.

Nhận được tin nhắn của T, ông H và ông K đã viết đơn tố cáo hành vi của Hồ Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số: 80/HĐĐG ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức kết luận: 01 (một) xe ô tô tải hiệu KIA, màu sơn xanh, biển số 54T-7126, tải trọng: 1050kg, SK: KNCSD011247976498, SM: J2-365778 trị giá: 90.000.000 đồng; 01 (một) xe ô tô tải hiệu JINBEI, màu sơn xanh, biển số 72C-034.90, tải trọng: 800kg, SK: LSYC3GNL85H-019839; SM: 490QC-0587124A, trị giá: 39.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại: 129.000.000 đồng.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số: 82/HĐĐG ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức kết luận: 01 (một) xe ô tô tải hiệu THACO, loại OLLIN250-MBM, màu sơn xanh, biển số 72C-048.03, tải

trọng: 2.300kg, SK: RNHLC25YZEC032019, SM: YZ4102ZLQB407015335, trị giá: 243.358.740 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại trong 02 lần chiếm đoạt là: 372.358.740 đồng.

Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 27/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Hồ Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quyết định truy tố đối với T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Hồ Văn T mức án từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Hồ Văn T không tranh luận mà xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại: Ông Lê Chí H, ông Nguyễn Hữu K đã nhận lại xe, không yêu cầu gì khác, đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn C đã thỏa thuận nhận tiền bồi thường của ông Hồ Văn D (cha của T) và không yêu cầu gì thêm.

Ông Hồ Văn D đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 32.000.000đ, bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 65.000.000đ thay cho T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra trong tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 27/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Hồ Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa, Hồ Văn T thừa nhận: Trong tháng 5 năm 2019, Hồ Văn T đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 02 (hai) chiếc xe ô tô tải biển số: 54T-7126 và 72C-034.90 của ông Lê Chí H tại thôn Quảng G, xã Xuân S, huyện C, tỉnh B, trị giá 129.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu K 01 chiếc xe ô tô tải biển số: 72C-048.03 tại ấp Tân T, xã Quảng T, huyện C, tỉnh B, trị giá: 243.358.740 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 372.358.740 đồng.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận điều tra của Công an huyện Châu Đức, với Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy: Quan điểm luận

tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức giữ nguyên Cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 27/4/2020, kết luận hành vi phạm tội của Hồ Văn T là có căn cứ nên chấp nhận.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận hành vi của Hồ Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo Hồ Văn T là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng bị cáo coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội nên đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Chỉ vì tham lam tư lợi, nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi lạm dụng sự tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của các bị hại được bị cáo thực hiện một cách cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, để sử dụng cho bản thân là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà nó còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có bản án nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định cho T một mức hình phạt phù hợp.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Toàn bộ tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. T đã tác động đến ông D (cha T) bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho người liên quan là bà T, ông C. Người bị hại và người liên quan, bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho T. Vì vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho T.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh của T khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với T.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lê Chí H và ông Nguyễn Hữu K đã nhận lại tài sản (xe ô tô) của mình, không yêu cầu về dân sự, nên không xét.

Ông Hồ Văn D đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 32.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 97.000.000đ thay cho T. Ông D không yêu cầu T phải trả lại tiền cho ông D. Bà T, ông C không yêu cầu T phải bồi thường thêm, nên trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chấm dứt.

[8] Xử lý vật chứng:

Xe ô tô tải hiệu KIA, màu xanh, biển số 54T-7126 và xe ô tô tải hiệu JINBEI, màu xanh, biển số 72C-034.90 là tài sản của ông Lê Chí H. Ngày 24/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại cho ông H (đã xử lý xong).

Xe ô tô tải hiệu THACO OLLIN, màu xanh, biển số 72C-048.03 là tài sản của ông Nguyễn Hữu K. Ngày 24/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại cho ông Khoa (đã xử lý xong).

[9] Về án phí: Hồ Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Hình phạt chính:

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Hồ Văn T 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 07/02/2020 (ngày bảy, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Tiếp tục tạm giam Hồ Văn T để bảo đảm thi hành án.

Án phí: Hồ Văn T nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020), bị cáo T, ông D và ông C có quyền kháng cáo; Đối với ông H, ông K, bà T và ông T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- Phòng PV 06 (CA tỉnh BR - VT);
- Phòng PC 10 (CA tỉnh BR - VT);
- Sở tư pháp tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CA huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Dẫn